DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2020

(Kèm theo thông báo số 1392/**TB-ĐHYDCT ngày** 22 **tháng 9 năm 2020)**

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	CMND	Hộ khẩu thường trú	ĐT	KV	M1	M2	M3	ĐƯT	ĐXT
	ĐIỀU DƯỠNG LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG											
1	Nguyễn Ngọc Đỗ Uyên	Nữ	03/12/1998	363902684	Thị trấn Bảy Ngàn, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang		2NT	9.1	10	10	0.5	29.6
2	Nguyễn Thị Cúc	Nữ	10/10/1997	371731777	Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang		1	9	7.5	10	0.75	27.25
3	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Nữ	04/04/1998	321731571	Xã An Thạnh, Huyện Mỏ Cày Nam, Tỉnh Bến Tre		2NT	9.2	8.5	8.9	0.5	27.1
4	Nguyễn Thúy Vỏ Thu Nguyệt	Nữ	24/02/1989	83189000133	Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	07	3	9	8.57	8.5	1	27.07
5	Phạm Thị Kim Cương	Nữ	23/05/1992	331719865	Thị trấn Tân Quới, Huyện Bình Tân, Tỉnh Vĩnh Long		2NT	8.5	9.4	8	0.5	26.4
6	Lê Thị Mỹ Hằng	Nữ	20-02-1990	331609873	Xã Trường Long Tây, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	07	3	8.3	8.57	8	1	25.87
7	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	13/03/1986	280933078	Xã Lai Hưng, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	07	2	7.1	8.2	9.3	1.25	25.85
8	Phan Thành Thái	Nam	19/12/1991	341524622	Xã Tân Công Chí, Huyện Tân Hồng, Tỉnh Đồng Tháp	07	3	8.3	9	7	1	25.3
9	Trần Thị Vuông	Nữ	19/09/1991	362293512	Xã Nhơn Nghĩa, Huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ	07	2NT	8.3	8.4	6.9	1.5	25.1
10	Dương Quốc Thái	Nam	06/01/1990	365901131	Xã An Ninh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng	07	1	6.8	7.9	8.4	1.75	24.85
11	Lý Phượng	Nữ	12/10/1993	281035667	Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	07	2	7.8	7	8.29	1.25	24.34
12	Nguyễn Thị Hà	Nữ	02/06/1989	183701029	Phường Ba Láng, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	07	3	7.4	7.57	8.33	1	24.3
13	Trần Thị Mỹ Huệ	Nữ	17/11/1991	280955660	Thị trấn Phước Vĩnh, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương	07	2NT	7.7	7.14	7.9	1.5	24.24
14	Nguyễn Diễm Xoan	Nữ	15/11/1990	381472590	Xã Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau		1	5.9	8.8	8.5	0.75	23.95

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	CMND	Hộ khẩu thường trú	ĐT	KV	M1	M2	M3	ĐƯT	ĐXT
15	Nguyễn Thị Ngọc Thơ	Nữ	01/03/1989	362246575	Phường Long Tuyền, Quận Bình Thuỷ, Thành phố Cần Thơ	07	3	6.9	8	8	1	23.9
16	Nguyễn Ngọc Xuân Hương	Nữ	20/04/1989	92189000384	Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	07	3	6	8.9	8	1	23.9
17	Lâm Hãi Nghi	Nữ	20/10/1992	352194890	Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	07	2NT	7.7	6	8	1.5	23.2
18	Nguyễn Quốc Huy	Nam	27/07/1989	351993895	Xã Thạnh Mỹ Tây, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	07	3	5.8	8.14	7	1	21.94
19	Trần Kim Vàng	Nữ	02/6/1991	385517232	Xã Vĩnh Thạnh Trung, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	07	2NT	7.3	6	7	1.5	21.8
20	Huỳnh Kim Liền	Nữ	1990	385457777	Xã Phước Long, Huyện Phước Long, Tỉnh Bạc Liêu	07	2	8.2	5.57	6.6	1.25	21.62
21	Lê Yến Xuyên	Nữ	08/08/1991	371421624	Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	07	1	7.1	6	6.4	1.75	21.25
22	Phùng Thị Ngọc	Nữ	15/03/1993	362360018	Phường Thới An, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ	07	3	6.7	6	7.3	1	21
	ĐIỀU DƯỠNG LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP											
23	Mạc Hoàng Hải	Nam	07/02/1985	362020473	Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ		2NT	8.4	8	8.9	0.5	25.8
24	Lê Thị Thu Diệu	Nữ	22/09/1987	341334978	Xã Phú Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp	07	2NT	8.9	7.3	7.7	1.5	25.4
25	Phan Thị Mỹ Nuôi	Nữ	24/06/1990	385512631	Xã Ninh Quới, Huyện Hồng Dân, Tỉnh Bạc Liêu		1	9.2	6.5	8.3	0.75	24.75
26	Bùi Thị Ngọc Dung	Nữ	21/01/1986	351774328	Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang		2	8.5	7.5	8.19	0.25	24.44
27	Đỗ Thị Dung	Nữ	02/10/1992	312243763	Xã Hậu Thành, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang		2NT	6.8	8.5	8.23	0.5	24.03
28	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	25/06/1989	30189009136	Xã Côn đảo, Huyện Côn đảo, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	07	2NT	7.9	6.7	7.83	1.5	23.93
29	Phạm Thị Kim Ngân	Nữ	22/02/1985	311828763	Xã Thiện Trung, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang	07	2NT	7.3	8	7	1.5	23.8

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	CMND	Hộ khẩu thường trú	ĐT	KV	M1	M2	M3	ĐƯT	ĐXT
30	Võ Trung Dũng	Nam	28/01/1991	341534375	Xã Mỹ An, Huyện Tháp Mười, Tỉnh Đồng Tháp	07	2NT	8	6.4	7.65	1.5	23.55
31	Nguyễn Thị Tuyết Như	Nữ	12/01/1993	362515407	Phường Long Hòa, Quận Bình Thuỷ, Thành phố Cần Thơ	07	1	6.8	6.5	8.5	1.75	23.55
32	Nguyễn Thị Trúc Linh	Nữ	06/06/1991	352161391	Phường Châu Phú A, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang	07	1	8.3	6.3	6.9	1.75	23.25
33	Lê Kiều Diễm	Nữ	01/01/1991	381624239	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau		1	7.8	7.3	7.3	0.75	23.15
34	Nguyễn Ngọc Xuyến	Nữ	05/07/1995	366031240	Xã Trinh Phú, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng	07	1	7.1	7.05	7.21	1.75	23.11
35	Nguyễn Thị Kim Nhã	Nữ	24/10/1987	341310072	Xã Tân Nhuận Đông, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp	07	2NT	6.4	7	8	1.5	22.9
36	Nguyễn Ngọc Huyên	Nữ	15/09/1995	385602833	Thị trấn Phước Long, Huyện Phước Long, Tỉnh Bạc Liêu		2NT	6.6	6.9	7.87	0.5	21.87
37	Nguyễn Văn Phương	Nam	14/11/1981	280776529	Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương	07	2NT	6.8	5.3	7.9	1.5	21.5
38	Võ Hoàng Trúc	Nữ	04/09/1993	301449991	Xã Nhơn Hòa Lập, Huyện Tân Thạnh, Tỉnh Long An		2NT	6.4	5.8	8.44	0.5	21.14
39	Lê Siêu Đẳng	Nam	20/11/1996	371736089	Xã Tân Thuận, Huyện Vĩnh Thuận, Tỉnh Kiên Giang		2	7	6.37	6.98	0.25	20.6
40	Mai Thị Bé Nhi	Nữ	18/12/1990	363648446	Xã Long Bình, Thị xã Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang	07	3	5.9	5	8.3	1	20.2
41	Nguyễn Ngọc Xuân Hương	Nữ	20/04/1989	92189000384	Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	07	3	6	5.9	7.2	1	20.1
42	Lê Hoàng Tố Quyên	Nữ	22/04/1995	362479510	Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	07	3	5.8	5.6	7.7	1	20.1
	ĐIỀU DƯỠNG PHỤ SẢN LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP											
43	Dương Thị Kim Nhung	Nữ	02/05/1981	364191728	Xã Tân Bình, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang	07	2NT	7.5	8	8.9	1.5	25.9
44	Đặng Thị Tuyết Nga	Nữ	15/04/1996	331760779	Xã Hòa Bình, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long	07	1	8.3	9.1	6.5	1.75	25.65

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	CMND	Hộ khẩu thường trú	ĐT	KV	M1	M2	M3	ĐƯT	ĐXT
45	Võ Thị Cẩm Hồng	Nữ	17/11/1989	72189005512	Xã Trường Tây, Thị xã Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh	07	2	7.6	7.5	9	1.25	25.35
46	Huỳnh Thị Mai Trinh	Nữ	12/08/1991	72191002412	Xã Trường Tây, Thị xã Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh	07	2	7.8	7.6	8.5	1.25	25.15
47	Nguyễn Thị Hồng Phấn	Nữ	15/02/1985	290850360	Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	07	2	7.8	6.8	9	1.25	24.85
48	Nguyễn Thị Mai	Nữ	25/10/1985	341498946	Xã An Nhơn, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp	07	2NT	7.2	7.4	8.4	1.5	24.5
49	Võ Thị Mỹ Hiền	Nữ	13/10/1983	72183000668	Thị trấn Dương Minh Châu, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh	07	2	6.2	8.1	8.5	1.25	24.05
50	Nguyễn Ánh Hồng	Nữ	18/05/1992	72192000724	Phường Hiệp Tân, Thị xã Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh	07	2	6.7	7.4	8.2	1.25	23.55
51	Huỳnh Thị Cẩm Quyên	Nữ	20/7/1987	331568676	Xã Hiếu Thành, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long	07	1	6.8	6.5	8.2	1.75	23.25
52	Lê Thị Mỹ Ngọc	Nữ	28/08/1991	72191002075	Phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	07	2	6	7.1	8.3	1.25	22.65
53	Nguyễn Ngọc Thơ	Nữ	20/10/1990	363629527	Xã Thuận Hưng, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang	07	1	6.1	7.3	7.4	1.75	22.55
54	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	Nữ	11/06/1986	341341452	Thị trấn Tràm Chim, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp	07	2NT	7.7	6.6	6.7	1.5	22.5
55	Ngô Thanh Lan	Nữ	01/08/1987	365732711	Thị trấn Trần Đề, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng	07	1	4.8	7.8	8	1.75	22.35
56	Cao Thị Bích Thảo	Nữ	08/02/1990	290980487	Phường 3, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	07	2	5.1	7	8.2	1.25	21.55
57	Ngô Thị Ngọc Thúy	Nữ	26/09/1983	370970675	Xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang		2	8.4	7.9	7.39	0.25	21.45
	KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG											
58	Nguyễn Thị Hồng Điệp	Nữ	19/10/1991	205484547	Phường Long Tâm, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		2NT	6.7	9	10	0.5	26.2
59	Hoàng Lê Vân Anh	Nữ	09/02/1991	276080842	Xã Xuân Định, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	07	2	8.7	7.6	8.33	1.25	25.88

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	CMND	Hộ khẩu thường trú	ĐT	KV	M1	M2	M3	ĐƯT	ĐXT
60	Lê Thị Phương Khanh	Nữ	01/05/1985	301161604	Phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	07	2	8.2	8.1	8.1	1.25	25.65
61	Lê Thị Nguyệt	Nữ	14/07/1987	281351420	Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	07	1	8.7	7.8	7.2	1.75	25.45
62	Võ Thị Thuý	Nữ	20/11/1992	264509180	Xã Thành Hải, Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận		2	9.2	8	8	0.25	25.45
63	Phạm Thị Hà	Nữ	03/06/1986	273671152	Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	07	2NT	8.7	6.9	8.2	1.5	25.3
64	Khổng Thị Duyên	Nữ	12/09/1974	273380378	Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	07	2	7.9	8	8	1.25	25.15
65	Trần Minh Huy	Nam	22/05/1998	77098000414	Phường 08, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh		2	9.3	6.7	8.46	0.25	24.71
66	Lê Viết Thông	Nam	16/07/1994	241410041	Xã Hòa Phong, Huyện Krông Bông, Tỉnh Đắk Lắk	07	1	7.1	8	7.55	1.75	24.4
67	Hồ Thị Hồng Nhung	Nữ	26/06/1991	205448538	Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		2NT	7.9	7	9	0.5	24.4
68	Bùi Ngọc Ánh	Nữ	05/02/1974	273379330	Phường 7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	07	2	7.7	6.8	8.6	1.25	24.35
69	Huỳnh Thị Loan	Nữ	15/11/1966	80166000475	Phường 7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	07	2	8.5	6.4	8	1.25	24.15
70	Phạm Thị Hằng	Nữ	03/02/1988	173291422	Phường 7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	07	2	6.6	7.7	8.2	1.25	23.75
71	Trần Văn Hưng	Nam	10/05/1989	77089002873	Phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		2NT	7.4	7.7	8	0.5	23.6
72	Cao Thị Huyền Trang	Nữ	29/12/1993	273492487	Phường Long Toàn, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	06	2NT	6.7	7.2	8	1.5	23.4
73	Phan Thị Hương	Nữ	03/05/1988	38188012139	Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	07	2	7.5	6.29	8.29	1.25	23.33
74	Đặng Thị Dịu	Nữ	20/09/1993	273517676	Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		2NT	7.2	7.3	8.3	0.5	23.3

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	CMND	Hộ khẩu thường trú	ĐT	KV	M1	M2	M3	ĐƯT	ĐXT
75	Lê Thị Thủy	Nữ	21/11/1986	273228405	Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	07	2	5.1	8.6	8	1.25	22.95
76	Trần Thị Thanh Thanh	Nữ	10/10/1988	4418800091	Xã Hoà Long, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	06	2NT	5.9	7.4	8.1	1.5	22.9
77	Lê Thị Thu Kiều	Nữ	25-10-1997	273627169	Thị trấn Ngãi Giao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		1	7.4	7	7.5	0.75	22.65
78	Bùi Thị Thu Phương	Nữ	19/12/1996	273559237	Phường 3, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		2	7.7	6.5	8.04	0.25	22.49
79	Trần Thị Vân	Nữ	27/06/1997	142749815	Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai		2	7.3	7.5	7.4	0.25	22.45
80	Trần Tú Huê	Nữ	04/04/1982	273081158	Xã An Nhứt, Huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		2NT	6.9	8	7	0.5	22.4
81	Phan Thị Kim Oanh	Nữ	26/05/1993	184099880	Xã Sơn Lễ, Huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	07	2NT	5.3	7.5	8	1.5	22.3
82	Tài Thị Thanh Quý	Nữ	15/05/1993	264419562	Xã Phước Hải, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận	01	2	5.1	6.3	8.1	2.25	21.75
83	Khâu Thị Soi	Nữ	17/10/1971	273673558	Phường 3, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	07	2	6	6.3	7.8	1.25	21.35
84	Huỳnh Thị Thìn	Nữ	10/10/1976	77176000819	Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	07	2	4.9	6.7	8.2	1.25	21.05
85	Hồ Thị Kim Hồng	Nữ	12/06/1997	273565518	Xã Bình Ba, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		1	7.1	5.2	7.56	0.75	20.61
	KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP											
86	Trần Trung Thực	Nam	1991	385528379	Xã Hưng Phú, Huyện Phước Long, Tỉnh Bạc Liêu	07	2	8.4	7.8	8.12	1.25	25.57
87	Trương Kim Huệ	Nữ	23/04/1993	92193003795	Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	07	3	7.6	7.2	7.75	1	23.55
88	Quách Thị Thơ	Nữ	19/10/1996	366058221	Phường Khánh Hòa, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng		1	7.6	6.9	7.71	0.75	22.96
89	Nguyễn Diệu Hiền	Nữ	01/01/1995	385616936	Xã Vĩnh Hậu, Huyện Hoà Bình, Tỉnh Bạc Liêu		1	7.7	6.4	7.56	0.75	22.41

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	CMND	Hộ khẩu thường trú	ĐT	KV	M1	M2	M3	ĐƯT	ĐXT
90	Kim Thái Phương	Nam	16/04/1987	365641998	Xã Long Phú, Huyện Long Phú, Tỉnh Sóc Trăng	01	1	5.2	6.9	7.16	2.75	22.01
91	Nguyễn Việt Hân	Nữ	17/11/1992	385586363	Xã Tân Phong, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu	07	2	6.2	6.8	7.04	1.25	21.29
92	Phạm Thị Thúy An	Nữ	07/11/1985	362079082	Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	07	3	5.8	7.8	6.5	1	21.1
93	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	Nữ	18/11/1994	385608918	Xã Long Điền, Huyện Đông Hải, Tỉnh Bạc Liêu	07	2	6.6	6.3	6.6	1.25	20.75
94	Bùi Thúy Diễm	Nữ	1992	385544157	Xã Phong Tân, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu	07	2	6.6	6.7	6.03	1.25	20.58
95	Nguyễn Thị Bích Trâm	Nữ	17.05.1991	341546787	Thị trấn Mỹ Thọ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	07	1	5.9	6.2	6.7	1.75	20.55
96	Bùi Hữu Hồ	Nam	03/07/1992	385614926	Phường 1, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu	07	2	6.8	5.4	6.92	1.25	20.37

Tổng cộng 96 thí sinh trúng tuyển

**** Ghi chú:***

- KV, ĐT: Khu vực ưu tiên, đối tượng ưu tiên

- M1, M2, M3: Điểm môn 1, điểm môn 2 và điểm môn 3

- ĐƯT: tổng điểm ưu tiên (ưu tiên t heo khu vực và ưu tiên theo đối tượng)

- ĐXT: điểm xét tuyển